TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHỢ ĐỒN** **TỈNH BẮC KẠN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 42/2017/QĐST-HNGĐ	*Chợ Đồn, ngày 04 tháng 7 năm 2017*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 47/2017/TLST/HNGĐ ngày 20 tháng 6 năm 2017, giữa:

Nguyên đơn: Anh **Nguyễn Văn T** – Sinh năm 1976

Địa chỉ: Thôn N, xã Đ, huyện C, tỉnh Bắc Kạn.

Bị đơn: Chị **Ma Thị B** – Sinh năm 1981

Địa chỉ: Thôn U, xã Y, huyện C, tỉnh Bắc Kạn.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự ; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 26 tháng 6 năm 2017.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 26 tháng 6 năm 2017 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

Nguyên đơn: Anh **Nguyễn Văn T** – Sinh năm 1976

Địa chỉ: Thôn N, xã Đ, huyện C, tỉnh Bắc Kạn.

Bị đơn: Chị **Ma Thị B** – Sinh năm 1981

Địa chỉ: Thôn U, xã Y, huyện C, tỉnh Bắc Kạn.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- **Về quan hệ hôn nhân:** Anh Nguyễn Văn T và chị Ma Thị B nhất trí thuận

tình ly hôn.

- **Về con chung**: Anh T và Chị Bích có một con chung tên là Nguyễn Thị M, sinh ngày 10/02/2002 . Sau khi ly hôn anh T và chị B thống nhất giao con chung là cháu Nguyễn Thị M, sinh ngày 10/02/2002 cho anh T được trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc, giáo dục đến khi con chung đủ 18 tuổi và đúng theo nguyện vọng của con. Chị B có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh T không yêu cầu Chị B cấp dưỡng nuôi con.

- **Về tài sản chung:** Không có. Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- **Về khoản vay, nợ chung:** Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết

- **Về án phí:** Anh Nguyễn Văn T và chị Ma Thị B mỗi người chịu 75.000đ *(Bảy mươi lăm nghìn đồng)* án phí ly hôn sơ thẩm. Ghi nhận việc anh T tự nguyện chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm với số tiền là 150.000đ *(Một trăm năm mươi nghìn đồng)* nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* theo biên lai thu số 05860 ngày 20 tháng 6 năm 2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Bắc Kạn. Anh T được hoàn lại 150.000đ *(Một trăm năm mươi nghìn đồng)* tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Trong trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Đồn;
- Ủy ban nhân dân xã Yên Mỹ;
- TAND tỉnh kèm theo biên bản ghi nhận.
- Chi cục THADS huyện Chợ Đồn;
- Lưu hồ sơ vụ án

THẨM PHÁN

Hoàng Thị Thu Hường